

**CÔNG TY TNHH KAKAROT VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KAKAROT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KAKAROT VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KAKAROT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108998658

**3. Ngày thành lập:** 22/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ngõ 69, Số 2/25 Đường Nhân Huệ, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                                                   | 0311     |
| 2.  | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                                                                | 0312     |
| 3.  | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                  | 0321     |
| 4.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                               | 0322     |
| 5.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                   | 1020     |
| 6.  | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                              | 2814     |
| 7.  | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Sản xuất các bộ phận và thiết bị thay đổi cho xe có động cơ; Sản xuất thiết bị điện cho xe có động cơ | 2930     |
| 8.  | Sản xuất mô tô, xe máy                                                                                                                                                                    | 3091     |
| 9.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                | 3312     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                    | 3314     |
| 11. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                 | 3315     |
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                   | 3320     |
| 13. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                            | 4511     |
| 14. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                               | 4512     |
| 15. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                              | 4513     |
| 16. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác.                                     | 4520     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4530        |
| 18. | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4541        |
| 19. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4542        |
| 20. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đấu giá )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4543        |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 22. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn cà phê;<br>- Bán buôn thực phẩm chức năng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế )                                                                                                                       | 4632(Chính) |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. | 4659        |
| 25. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan: Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)                                                                                                                                                                    | 4661        |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4690        |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4719        |
| 28. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4721        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế ) | 4722 |
| 30. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4772 |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4774 |
| 32. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ.                                                                                                                                                                                                                    | 4781 |
| 33. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4789 |
| 34. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4791 |
| 35. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4799 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ HỮU PHƯỚC \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *15/07/1989* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: *162860225*  
Ngày cấp: *10/10/2014* Nơi cấp: *Công an Tỉnh Nam Định*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Đoài, Xã Nam Cường, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Phòng 2607, Tòa CT6C Khu đô thị Xa La, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội